

Bản án số: **33/2019/DS-ST**
Ngày 24-7-2019
V/v “Tranh chấp tiền hụi và
tiền vay”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Châu Hoàng Huy;

Ông Đỗ Minh Lắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh tham gia phiên tòa:
Không thuộc trường hợp tham gia.

Trong các ngày 23, 24 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “Tiền hụi và tiền vay” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị L, sinh năm: 1964 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 9, xã K, huyện U, tỉnh C ..

- Bị đơn: Bà Ngô Cẩm T, sinh năm: 1985 và ông Phan Văn C, sinh năm: 1972 (bà T, ông C có mặt).

Địa chỉ: Cùng ấp 9, xã K, huyện U, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 3 năm 2019, các lời trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Thị L trình bày:

Bà T tham gia hụi của bà làm chủ trong 5 dây hụi mở các ngày 08/8/2016, 29/11/2016, 10/4/2017, 18/4/2017, loại hụi 1.000.000 đồng/tháng và hụi mở 26/10/2017 loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, mỗi dây tham gia 01 chân và đã hốt các chân hụi trong các dây hụi này. Sau khi hốt hụi bà T phải đóng lại hụi chết nhưng từ tháng 8 năm 2019 thì bà T ngừng đóng và bà phải trả tiền hụi thay cho

bà T từ tháng 8 năm 2018 đến tháng 2 năm 2019 nên bà yêu cầu bà T phải trả tiền hội chưa đóng trong các dây hội mở ngày 08/8/2016 âm lịch là 6.000.000 đồng (hội có 37 chân); dây hội mở ngày 29/11/2016 âm lịch (hội có 31 chân) số tiền 7.000.000 đồng; dây hội mở ngày 10/4/2017 âm lịch (có 35 chân) số tiền 6.000.000 đồng; dây hội mở ngày 18/4/2017 âm lịch (có 36 chân) số tiền 6.000.000 đồng và hội mở ngày 26/10/2017 âm lịch (hội có 30 chân) số tiền 14.000.000 đồng. Tổng cộng là 39.000.000 đồng, trước đó ngày 20/8/2018 âm lịch bà đã trả tiền hội cho bà T là 5.200.000 đồng, như vậy tổng cộng số tiền hội bà T và ông C phải trả cho bà là 44.200.000 đồng.

Ngày 07/7/2017 âm lịch Tú hoi vay bà số tiền 15.000.000 đồng lãi thỏa thuận là 8%/tháng, Tú đã đóng số tiền 1.200.000 đồng/tháng cho đến tháng 01 năm 2018 âm lịch, Tú vay thêm 10.000.000 đồng cộng hai khoản là 25.000.000 đồng. Tú có viết biên nhận cho bà. Mỗi tháng Tú đóng lãi là 2.200.000 đồng/tháng cho đến tháng 9 năm 2018 âm lịch đến tháng 2 năm 2019 là 5 tháng thì ngưng đóng lãi cho đến nay nên bà yêu cầu bà T, ông C trả 25.000.000 đồng tiền gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi.

Bà làm chủ hội bà T, ông C tham gia hội, trong danh sách hội có khi để tên Tú, hoặc C – T, vợ C. Việc tham gia hội do bà T thực hiện, chỉ có hội mở ngày 10/4/2017 thì ông C có biết và cùng kêu hót hội, do vợ chồng còn chung sống nên bà yêu cầu bà T và ông C phải cùng có trách nhiệm trả tiền hội tính đến tháng 02/2019 âm lịch còn thiếu là 44.200.000 đồng và tiền vay 35.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 25.000.000 đồng và tiền lãi 10.000.000 đồng.

- Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Ngô Cẩm T trình bày: Bà có tham gia hội do bà L làm chủ các dây hội như bà L trình bày. Hội bà đã hót, mỗi tháng phải đóng lại hội chết là 6.000.000 đồng/tháng. Bà đã đóng hội đầy đủ cho bà L đến tháng 11/2018 và tính đến tháng 11/2018 chỉ thiếu tiền hội là 9.000.000 đồng và tiền hội 25.000.000 đồng nhưng viết thành tiền vay, do trước đó bà thiếu tiền hội là 15.000.000 đồng và viết giấy cho bà L vào tháng 7 năm 2017 âm lịch và đóng lãi mỗi tháng 1.200.000 đồng, sau đó thiếu thêm 10.000.000 đồng và viết giấy tiếp vào tháng 01/2018 thành 25.000.000 đồng và mỗi tháng đóng lãi là 2.200.000 đồng cho đến tháng 11/2018 âm lịch thì không đóng lãi.

Khi bà hót hội chân hội vào mừng 10 được 19.700.000 đồng vào tháng 7/2018 âm lịch thỏa thuận đã trừ vào số tiền 25.000.000 đồng, nhưng bà L chỉ trừ tiền lãi và yêu cầu tiếp tục trả 25.000.000 đồng bà không đồng ý. Đối với yêu cầu của bà L về tiền hội, bà chỉ thiếu tiền hội còn lại đến tháng 11/2018 là 9.000.000 đồng và ngưng đóng từ tháng 9 năm 2019 đến nay. Đối với tiền hội còn thiếu của 5 chân hội bà L nêu là thiếu từ tháng 11/2018 đến nay, mỗi tháng hội chết phải đóng là 6.000.000 đồng cộng với tiền hội còn thiếu trước đó là 9.000.000 đồng. Đối với tiền 25.000.000 đồng bà yêu cầu trừ số tiền hội đã hót vào tháng 7/2018 được 19.700.000 đồng (hót dây hội mở ngày 10) vào số tiền gốc 25.000.000 đồng còn thiếu lại bao nhiêu bà đồng ý trả. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn nên bà không có khả năng trả một lần mà yêu cầu được trả nhiều lần.

Tại phiên hòa giải ngày 23 tháng 4 năm 2019 và tại phiên tòa, bị đơn ông Phan Văn C trình bày: Vợ ông tham gia hội của bà L ông không biết, khi bề hội thì ông chỉ biết dây hội mở mừng 10 do sau khi vợ ông bề hội thì ông thống nhất cho vợ ông hốt hội để trừ vào số tiền 25.000.000 đồng nhưng nay bà L không trừ vào vào số tiền này mà trừ vào số tiền lãi và yêu cầu tiếp tục trả số tiền 25.000.000 đồng nên ông không đồng ý. Ngoài ra, ông không có tham gia các chân hội còn lại do bà L làm chủ, do đó bà L yêu cầu ông trả tiền hội ông không đồng ý. Ông yêu cầu tính lại lãi suất theo quy định thì ông đồng ý trả tiền vay và tiền hội còn thiếu mở vào ngày mừng 10, các dây hội còn lại ông không biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa bà Bùi Thị L về việc yêu cầu bà Ngô Cẩm T, ông Phan Văn C trả tiền hội và tiền vay được xác định là tranh chấp dân sự về hội và hợp đồng vay và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Đối với tiền hội: Giữa bà L và bà T thống nhất được số dây hội, chân hội, loại hội tham gia và việc tham gia hội trực tiếp do bà T thực hiện nên đây là chứng cứ không phải chứng minh, từ đó có căn cứ xác định bà T tham gia hội do bà L làm chủ các dây hội mở ngày 08/8/2016, 29/11/2016, 10/4/2017, 18/4/2017, loại hội 1.000.000 đồng/tháng và hội mở 26/10/2017 loại hội 2.000.000 đồng/tháng, bà T xác định đã hốt các chân hội này, hội chết phải đóng lại mỗi tháng 6.000.000 đồng. Giữa bà L và bà T tranh chấp về thời điểm dừng đóng hội, theo bà L thì bà T ngừng đóng hội từ tháng 8 năm 2018, bà T cho rằng ngừng đóng hội từ tháng 11/2018.

Bà L cung cấp cho Tòa án văn bản thể hiện việc theo dõi bà T thiếu tiền hội, cuối tờ giấy được bà T xác định là do bà T tự ghi có nội dung “**28 tháng 9 năm 2018 tôi chưa đóng là 13 triệu đồng chẵn**” và cũng tại tờ giấy khác (do bà L cung cấp) bà T cũng thừa nhận mình có ghi dòng chữ “con có gởi 4.000.000 đồng còn 25 triệu 800 ngàn” phía dưới có ký tên Tú”, **qua đối chiếu với các số liệu được liệt kê ở phần trên của hai tờ giấy thì phù hợp với các dòng chữ** của hai tờ giấy mà bà T thừa nhận do mình viết và nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bà T ngừng đóng hội từ tháng 8/2018 âm lịch và còn thiếu tiền hội trước đó là 5.200.000 đồng. Vì vậy, bà L yêu cầu bà T trả tiền hội từ tháng 8 năm 2018 âm lịch đến tháng 2/2019 âm lịch cùng với tiền hội còn thiếu trước đó là có căn cứ. Do ông C không tham gia hội, việc tham gia hội chỉ bà T tham gia, ông C chỉ thừa nhận và đồng ý có trách nhiệm trả tiền hội còn thiếu trong dây hội mở ngày 10/4/2017 nên chỉ buộc ông C cùng có trách nhiệm trả tiền hội còn thiếu với bà T của dây hội mở ngày mừng 10 tính đến tháng 02/2019 còn thiếu là 6.000.000 đồng. Buộc bà T phải có nghĩa vụ trả tiền hội cho bà L từ tháng 8 năm 2018 âm lịch đến tháng 2 năm 2019 âm lịch các dây hội còn lại cụ thể số tiền hội còn thiếu trong các dây hội mở ngày 08/8/2016 còn thiếu 6.000.000 đồng, hội mở ngày 29/11/2016 còn thiếu 7.000.000 đồng, hội mở ngày 18/4/2017 còn thiếu 6.000.000 đồng và hội mở ngày 26/10/2017 loại hội 2.000.000 đồng/tháng số tiền

hụi còn thiếu là 14.000.000 đồng, cộng với 5.200.000 đồng còn thiếu trước đó, tổng cộng bà T phải trả cho bà L tiền hụi còn thiếu là 38.200.000 đồng.

- Đối với số tiền vay thể hiện thời điểm vay là ngày 08/7/2017 vay 15.000.000 đồng và ngày 08/01/2018 vay thêm 10.000.000 đồng các bên đều thừa nhận số tiền này, tuy nhiên bà T cho rằng đây là thiếu tiền hụi chuyển qua tiền vay. Bà T thừa nhận khi viết biên nhận cho bà L thì không ai ép buộc, nội dung trong tờ biên nhận không thể hiện nội dung chỉ thể hiện ngày mùng 8 tháng 7 năm 2017 con có hỏi thiếu 7 ruột 15 triệu đồng, tiền lời đóng 4 trăm một tháng 120; phía dưới tờ giấy còn có thêm dòng chữ tôi có nhận thêm thêm 7 hỏi cáo dùm 8 tháng giêng 10.000.000 đồng chẵn cộng lại trước sau bần 2 mươi lăm triệu và ký tên Tú phía dưới ghi tên Ngô Cẩm T, bà T thừa nhận các chữ viết này là do bà viết nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định đây là tiền vay có lãi, mức lãi suất là 8% theo như các đương sự thống nhất trình bày. Bà T, ông C cho rằng tháng 7 năm 2018 khi hốt chân hụi ngày mùng 10 được 19.700.000 đồng đã yêu cầu trừ vào số tiền vay 25.000.000 đồng này nhưng bà L không thừa nhận có việc trừ tiền này, bà T, ông C không có chứng cứ chứng minh việc trừ tiền hụi này nên không có căn cứ chấp nhận về việc trừ tiền hụi vào tiền vay, số tiền vay được xác định là tổng cộng 25.000.000 đồng. Việc đóng lãi các bên thống nhất được đã đóng lãi đến tháng 9 năm 2018 với mức lãi suất 8%/tháng.

Đây là trường hợp tranh chấp hợp đồng vay có lãi nhưng mức lãi suất các bên thỏa thuận là cao hơn quy định nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp với Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm, mức lãi suất vượt không có hiệu lực; Ông C và bà T yêu cầu tính lãi suất là phù hợp. Theo đó, mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 được xác định là 1,66%/tháng. Từ ngày 08/7/2017 đến ngày 08/02/2018 bà L đã nhận tiền lãi của bà T với mức 8%/tháng trong 6 tháng số tiền đã nhận là $1.200.000 \text{ đồng} \times 6 = 7.200.000 \text{ đồng}$, tiền lãi theo quy định được xác định 1.494.000 đồng (mỗi tháng 249.000 đồng), số tiền lãi còn dư lại được trừ vào tiền gốc là $7.200.000 \text{ đồng} - 1.494.000 \text{ đồng} = 5.706.000 \text{ đồng}$, số tiền gốc còn lại là 9.294.000 đồng. Tháng 01 năm 2018 vay thêm 10.000.000 đồng, tiền gốc tổng cộng là 19.294.000 đồng, từ tháng 02 năm 2018 đến tháng 8 năm 2018 bà T đóng lãi mỗi tháng 2.200.000 đồng trong 7 tháng số tiền lãi đã đóng là 15.400.000 đồng, tiền lãi theo quy định là $19.294.000 \times 1,66\% = 320.280 \text{ đồng} \times 7 \text{ tháng} = 2.241.960 \text{ đồng}$, trừ số tiền lãi đã đóng dư được trừ vào tiền gốc là 13.153.040 đồng số tiền gốc còn lại $19.294.000 - 13.153.040 = 6.135.963 \text{ đồng}$, từ tháng 9 năm 2018 đến nay ngày xét xử là 11 tháng bà T còn nợ lại nên tiếp tục tính lãi là $6.135.963 \text{ đồng} \times 1,66\% = 1.120.427 \text{ đồng}$. Vậy, sau khi trừ số tiền lãi bà T đã đóng thì bà T còn thiếu lại bà L tiền gốc 6.135.963 đồng và tiền lãi đến tháng 7 năm 2019 là 1.120.427 đồng, ông C đồng ý cùng trả số tiền vay này sau khi tính tiền lãi do đó, buộc bà T và ông C có nghĩa vụ trả cho bà L tiền vay tổng cộng là 7.256.390 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của bà L về việc đòi tiền vay và lãi là 27.743.610 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Bà Ngô Cẩm T, ông Phan Văn C phải chịu án phí là 662.819 đồng, bà T phải chịu án phí là 1.910.000 đồng, bà L phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là 1.387.181 đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 144, **khoản 1 Điều 147**, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 468 Bộ luật dân sự; Điều 479 của Bộ luật dân sự 2005; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 về hội, học, bêu, phường.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Bùi Thị L về việc đòi tiền hội và tiền vay đối với bà Ngô Cẩm T, ông Phan Văn C.

Buộc bà Ngô Cẩm T, ông Phan Văn C trả cho bà Bùi Thị L số tiền hội còn thiếu là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) và tiền vay và tiền lãi đến tháng 7 năm 2019 tổng cộng là 7.256.390 (Bảy triệu, hai trăm năm mươi sáu ngàn, ba trăm chín mươi) đồng (trong đó tiền gốc 6.135.963 đồng, tiền lãi 1.120.427 đồng).

Buộc bà Ngô Cẩm T trả cho bà Bùi Thị L tiền hội, tính đến tháng 2 năm 2019 là 38.200.000 (Ba mươi tám triệu hai trăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu của bà L đối với bà T và ông C về việc trả tiền vay số tiền 27.743.610 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm bà Bùi Thị L phải chịu là 1.387.181 đồng. Bà Bùi Thị L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.980.000 theo biên lai thu số 0004271 ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu án phí, hoàn trả bà Bùi Thị L số tiền 592.819 (Năm trăm chín mươi hai ngàn, tám trăm mười chín) đồng.

Bà Ngô Cẩm T, ông Phan Văn C phải chịu án phí là 662.819 (Sáu trăm sáu mươi hai ngàn, tám trăm mười chín) đồng. Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.910.000 (Một triệu chín trăm mười ngàn) đồng.

- Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Hằng